

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC

Nguyễn Đình Chiểu

A. TÁC GIẢ

I. CUỘC ĐỜI

- Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888)
- Quê quán: SGK.
- Hoàn cảnh xuất thân: SGK.
- Bản thân: SGK.

☞ **Cảm nhận về nhân cách NĐC, tập trung vào 3 bài học lớn:**

- Cuộc đời ông là tấm gương sáng về ý chí và nghị lực sống. Ông biết vượt qua nỗi bất hạnh để trở thành con người hữu ích, nghị lực không ai bằng.
- Lòng yêu nước thương dân sâu sắc, “Thư sinh giết giặc bằng ngòi bút” (Tùng Thiện Vương).
- Tinh thần bất khuất trước kẻ thù.

II. SỰ NGHIỆP VĂN HỌC

1. Những tác phẩm chính

a. Trước khi thực dân Pháp xâm lược

- Tác phẩm: Lục Vân Tiên, Dương Từ-Hà Mậu.
- Nội dung: Truyền bá đạo lý làm người.

b. Sau khi thực dân Pháp xâm lược

- Tác phẩm: SGK
- Nội dung: Thể hiện tinh thần yêu nước, thương dân sâu sắc.
- Là lá cờ đầu của văn thơ yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX.

2. Nội dung thơ văn

- Lí tưởng nhân nghĩa đạo đức: Mang tinh thần nhân nghĩa của đạo Nho nhưng lại đậm đà tính nhân dân và tinh thần dân tộc. Đặc biệt đề cao chữ **Nghĩa** nên tác phẩm được người dân Nam Bộ đón nhận nồng nhiệt.

- Lòng yêu nước thương dân:

- + Ghi lại chân thực một thời đại đau thương của đất nước.
- + Ông khóc than cho Tổ quốc gặp buổi thương đau.
- + Tố cáo tội ác của giặc xâm lược.
- + Ngợi ca những người yêu nước nặng lòng với 2 chữ trung quân.
- + Dựng bức tượng đài bất tử về người nông dân-nghĩa sĩ.
- + Nuôi giữ niềm tin vào ngày mai.
- + Kiên quyết bất hợp tác với giặc.

☞ Với nội dung đó đã có tác dụng động viên, khích lệ tinh thần và ý chí cứu nước của nhân dân.

3. Nghệ thuật

- Có nhiều đóng góp quan trọng nhất là văn chương trữ tình đạo đức.
- Đậm đà sắc thái Nam Bộ:
 - + Nhân vật mộc mạc, chất phác nhưng nặng nghĩa, nặng tình, sẵn sàng xả thân vì nghĩa.
 - + Lời lẽ giản dị, mộc mạc.
 - + Tính cách nhân vật chủ yếu thông qua ngôn ngữ, cử chỉ, hành động.

B. TÁC PHẨM

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Hoàn cảnh sáng tác (SGK)

Được viết theo yêu cầu của tuần phủ Gia Định Đỗ Quang để tế những nghĩa sĩ (khoảng 20 người) đã hi sinh trong trận tập kích đồn Pháp ở Cần Giuộc đêm 16-12-1861.

2. Đặc điểm cơ bản của thể văn tế :(SGK)

- Hoàn cảnh sử dụng.
- Nội dung của bài văn tế.
- Bố cục.
- Giọng điệu chung.

3. Bố cục bài “VTNSCG”

- Đoạn 1: *Lung khởi* : khái quát bối cảnh bão táp của thời đại và khẳng định ý nghĩa cái chết bất tử của người nông dân nghĩa sĩ.
- Đoạn 2: *Thích thực* (câu 3-5) : tái hiện chân thực hình ảnh người nông dân – nghĩa sĩ, từ cuộc đời lao động vất vả, tủi cực đến giây phút vươn mình trở lại chiến sĩ, đánh giặc lập chiến công.
- Đoạn 3: *Ai vãn* (câu 16-28): bày tỏ lòng tiếc thương, sự cảm phục của tác giả đối với người nghĩa sĩ.
- Đoạn 4: *ca ngợi* linh hồn người bất tử .

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Hình tượng người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc:

a) Đoạn 1: Có 2 ý lớn.

- Khung cảnh bão táp của thời đại
- + *Súng giặc đất rên*: Sự tàn bạo của thực dân Pháp.
- Ý chí chiến đấu kiên cường bảo vệ tổ quốc (*Lòng dân trời tỏ*)
- Ý nghĩa cái chết vì nghĩa lớn (*câu 2*)

↳ Tất cả hợp thành một bệ đỡ hoành tráng cho bức tượng đài mang tầm vóc to lớn. Bài văn tế trở nên đậm chất sử thi.

b) Đoạn 2

** Hình ảnh người nông dân trước “trận nghĩa đánh Tây”: Họ xuất thân từ tầng lớp nông dân, với cuộc sống lam lũ, tủi cực “cui cút”, chỉ biết vun vén cho cuộc sống của mình hoàn toàn xa lạ với cuộc sống binh đao (câu 4,5).

** Bước chuyển biến khi có giặc chiếm đất đai bờ cõi:

+ Họ có lòng căm thù giặc sâu sắc: “*ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ*”, thể hiện qua những động từ mạnh “*muốn tới ăn gan, muốn ra cắn cỏ*” (câu 6,7).

+ Luôn có ý thức trách nhiệm với sự nghiệp cứu nước(C.8).

+ Tự nguyện “*mến nghĩa làm quân chiêu mộ*” và với ý chí quyết tâm tiêu diệt giặc qua những từ ngữ có sắc thái biểu cảm mạnh “*nào đợi, chẳng thềm, ra sức đoạn kình, ra tay bộ hộ*” (câu 9).

↳ Những chuyển biến được miêu tả sinh động, chân thực, hợp lí, gắn gũi với lời ăn tiếng nói, cách suy nghĩ của người nông dân.

** Vẻ đẹp hào hùng của đội quân áo vải trong “trận nghĩa đánh Tây”

- Được khắc họa bằng bút pháp hiện thực:

+ Họ vào trận với những gì dùng trong sinh hoạt gia đình, sản xuất: *áo vải, rơm con cúi, lưỡi dao phay, ngọn tầm vông* chống lại vũ khí hiện đại của giặc.

+ Vì thế bức tượng đài ánh lên vẻ đẹp mộc mạc, giản dị nhưng không kém “*chất*” anh hùng bởi lòng mến nghĩa, tư thế hiên ngang, coi thường khó khăn, thiếu thốn.

- Khí thế tiến công: như vũ bão, đập trên đầu thù xốc tới.

+ Qua hệ thống từ ngữ: động từ mạnh (*đánh, đốt, chém, đập, xô, hè ó...*), dứt khoát (*đốt xong, chém đặng, trời kệ*), khẩu ngữ Nam Bộ (*nhà dạy đạo, như chẳng có, thằng Tây, hè ó, trời kệ...*).

+ Phép đối: đối từ ngữ (*lướt tới/xông vào; đâm ngang/chém ngược...*), đối ý (*ta/địch*), đối thanh bằng trắc (*tới/vào; nhỏ/to trước/sau...*)

+ Vũ khí thô sơ- chiến thắng lớn

→ Nhịp điệu nhanh, mạnh, dứt khoát, sôi nổi tái hiện trận công đồn khẩn trương, quyết liệt, sôi động, hào hứng.

- **Nghệ thuật**: ngòi bút hiện thực kết hợp nhuần nhuyễn với chất trữ tình sâu lắng. Từ ngữ bình dị, chính xác, có sức gợi cảm. Sử dụng thành công nhiều biện pháp tu từ → Hình ảnh người anh hùng áo vải- lần đầu tiên xuất hiện trong văn học trung đại- trở thành biểu tượng nghệ thuật rất đời đại.

2. Tiếng khóc bi tráng của Nguyễn Đình Chiểu

**** Nỗi xót thương đối với người nghĩa sĩ:**

- Nỗi tiếc hận của người phải hi sinh khi sự nghiệp không thành.

- Nỗi xót xa cho những gia đình mất người thân, tổn thất không thể bù đắp được đối với những mẹ già, vợ yếu (C.25).

- Nỗi căm hờn những kẻ gây nên tình cảnh éo le (C.21).

- Hoà chung với tiếng khóc nghẹn ngào trước tình cảnh đau thương của đất nước (C.25).

- Nỗi đau không chỉ ở lòng người mà bao trùm khắp cỏ cây sông núi.

**** Niềm cảm phục và tự hào** đối với người dân đã dám đứng lên bảo vệ từng “*tấc đất, ngọn rau, bát cơm manh áo*” của mình mà chống lại kẻ thù (C.19,20), dám lấy cái chết để làm rạng rỡ chân lí thời đại “*thà chết vinh còn hơn sống nhục*” (C.22,23).

**** Biểu dương công trạng** của người nông dân - nghĩa sĩ, đời đời được ngưỡng mộ, ghi công.

↳ **Kết luận:**

- Tác giả thay mặt cho nhân dân cả nước khóc thương và biểu dương công trạng người nghĩa sĩ. Tiếng khóc không chỉ hướng về cái chết mà còn hướng về cuộc sống đau thương của dân tộc, khích lệ lòng căm thù giặc và nối tiếp sự nghiệp còn dang dở của người chiến sĩ - nghĩa sĩ.

- Tiếng khóc tuy bi thiết nhưng không tang tóc, thê lương mà là niềm cảm phục và khẳng định ý nghĩa bất tử của cái chết vì nước.

3. Nghệ thuật

- Cảm xúc chân thành, sâu nặng mãnh liệt (C.3-25).

- Giọng văn bi tráng thống thiết (C.22,23,24).

- Hình ảnh sống động (C.13,14,15).

- Ngôn từ giản dị, dân dã có sức biểu cảm và giá trị thẩm mỹ cao, sử dụng nhiều biện pháp tu từ (C.14,15).

- Giọng điệu thay đổi theo dòng cảm xúc.

III. TỔNG KẾT

- Bài văn tế có giá trị trữ tình lớn vì nó là “*khúc ca của những người thất thế nhưng vẫn hiên ngang*” (P.V.Đông).

- Có giá trị hiện thực lớn vì dựng lên bức tượng đài nghệ thuật sừng sững về người nông dân (*trước và sau chưa từng có*).

➤ **Ghi nhớ:** SGK